

Số: 19/2022/QĐST-DS

Tây Hòa, ngày 06 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2021/TLST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2021;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 02 L, Phường T, Quận B, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1978; Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên (*Theo giấy ủy quyền ngày 06/4/2021*).

Bị đơn: Ông Tăng Ngọc N, sinh năm 1973; Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (*Ông N ủy quyền cho bà L theo văn bản ủy quyền ngày 24/5/2022*).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Tăng Ngọc N, bà Trần Thị Mỹ L thừa nhận có vay, còn nợ và chấp nhận trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên số tiền nợ gốc là 230.000.000đ (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*) và nợ lãi tính đến ngày 27/5/2022 là 45.562.053đ (*Bốn mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn không trăm năm mươi ba đồng*) theo các Hợp đồng ký kết giữa Ngân hàng với ông N, bà L ngày 05/12/2019 và ngày 20/3/2020. Tổng cộng: 275.562.053đ (*Hai trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn không trăm năm mươi ba đồng*).

Trường hợp bị đơn ông Tăng Ngọc N, bà Trần Thị Mỹ L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu

hồi nợ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 4610-LCL-201700590 ngày 23/10/2017 gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB430551, số vào sổ CH03376 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 12/11/2013 do ông N, bà L đứng tên, tại thửa số 916; tờ bản đồ số 10-A, diện tích 65m²; loại đất ONT; tại thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên và các tài sản gắn liền quyền sử dụng đất được tạo lập trước, trong và sau khi ký hợp đồng thế chấp. Nội dung thế chấp được thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 4610-LCL-201700590 ngày 23/10/2017.

Kể từ ngày 28/5/2022, bị đơn còn phải tiếp tục chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về án phí: Bị đơn Tăng Ngọc N, Trần Thị Mỹ L phải chịu 6.889.000đ (*Sáu triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí: 6.040.000đ (*Sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*), đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002356 ngày 29/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Mộng Tuyền